

Số: 511/BC-CCPTNT-PTNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố (Lũy tiến từ ngày 10/6/2011 đến ngày 18/12/2020)

Thực hiện triển khai Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố (gồm Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 10/6/2011, Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20/3/2013, Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 và Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố);

Chi cục Phát triển nông thôn - Cơ quan Thường trực thực hiện Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị) báo cáo kết quả thực hiện lũy tiến từ ngày 10/6/2011¹ đến ngày 18/12/2020, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN VỀ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ:

1. Công tác chỉ đạo điều hành:

Nhằm tiếp tục hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn hỗ trợ thông qua các cơ chế chính sách, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2017-2020, Chi cục Phát triển nông thôn đã tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 về quy định chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố thay thế Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 23 tháng 2 năm 2016 (đã được bãi bỏ), trong đó quy định các mức hỗ trợ như sau:

- Ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% lãi suất (lãi suất tính hỗ trợ lãi vay): Đầu tư xây dựng cơ bản, mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn, sơ chế, chế biến sản phẩm nông nghiệp; khai thác tổ yến theo quy hoạch; khai thác đánh bắt thủy sản không mang tính lạm sát (bao gồm đóng mới; thay mới, nâng cấp công suất máy dưới 90 CV; nâng cấp công suất máy từ 90 CV lên dưới 400 CV); thay mới giống đàn bò sữa hiện hữu có năng

¹ Ngày 10 tháng 6 năm 2011, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND về Quy định Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu theo hướng nông nghiệp đô thị giai đoạn 2011-2015.

suất thấp; sản xuất giống; sản xuất nông nghiệp tốt và sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được cấp chứng nhận.

- Hỗ trợ đầu tư mua giống, vật tư, thức ăn, nhiên liệu và trả công lao động sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; khai thác đánh bắt thủy sản không mang tính lạm sát; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, ngành nghề nông thôn. Mức hỗ trợ lãi vay:

+ Ngân sách Thành phố hỗ trợ 80% lãi suất: Đầu tư sản xuất hoa lan, cây kiểng, cá cảnh, bò sữa (từ 15 con trở lên, đảm bảo vệ sinh môi trường), bò thịt hoặc nuôi trồng thủy sản khai thác hiệu quả nguồn nước kênh Đông.

+ Ngân sách Thành phố hỗ trợ 60% lãi suất: Đầu tư sản xuất các loại cây trồng vật nuôi khác; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; mua nguyên nhiên vật liệu phát triển ngành nghề nông thôn; khai thác đánh bắt thủy sản không mang tính lạm sát (bao gồm sữa chữa phương tiện, mua sắm ngư lưới cụ đối với tàu dưới 400 CV); sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc phát triển du lịch sinh thái.

Sau khi Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 được ban hành, Chi cục Phát triển nông thôn đã tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Công văn số 454/SNN-PTNT ngày 26 tháng 2 năm 2018 về việc đề cử thành viên tham gia Hội đồng thẩm định thực hiện Quyết định số 655/QĐ-UBND (Hội đồng thẩm định cấp thành phố) với nhiệm vụ chủ yếu: Tổ chức họp thẩm định các phương án vay vốn có đề nghị hỗ trợ lãi vay và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt; Hướng dẫn chủ đầu tư, các quận - huyện, xã - phường - thị trấn và tổ chức cho vay thực hiện triển khai chính sách.

Đồng thời, Chi cục Phát triển nông thôn đã tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Hướng dẫn số 1258/HD-SNN ngày 17 tháng 5 năm 2018, theo đó hướng dẫn rõ về cách tính lãi hỗ trợ, phương thức thanh toán kinh phí hỗ trợ lãi vay. Phối hợp cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư phân khai kinh phí hỗ trợ lãi vay cho các quận huyện và các phương án Thành phố phê duyệt, nhằm đảm bảo chuyển trả kinh phí hỗ trợ lãi vay đúng quy định.

Ngày 02 tháng 7 năm 2018, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Công văn số 1753/SNN-PTNT về việc tăng cường chỉ đạo, triển khai thực hiện Quyết định số 655/QĐ-UBND. Theo đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân quận - huyện đẩy mạnh tuyên truyền, tư vấn cho các tổ chức, hộ dân, cá nhân trên địa bàn biết và thực hiện chính sách; Giải quyết nhanh chóng, kịp thời tiền lãi hỗ trợ theo hướng các tổ chức, hộ dân, cá nhân chỉ phải đóng phần chênh lệch còn lại cho các tổ chức cho vay; Tăng cường theo dõi tình hình sản xuất, kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay.

2. Công tác thông tin tuyên truyền:

- Hàng năm, Chi cục Phát triển nông thôn đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Hội đoàn thể, xã - phường - thị trấn (bao gồm các địa phương còn sản xuất nông nghiệp) tổ chức 63 lớp, tuyên truyền về Quyết định

số 655/QĐ-UBND với tổng 3.780 lượt người tham dự tại xã, phường, thị trấn (bình quân 60 người/lớp).

- Phối hợp với Đài Tiếng nói Nhân dân thành phố, Báo Sài Gòn Giải phóng, Nông thôn ngày nay, đưa 07 tin/năm về các nội dung của Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018.

- Có văn bản thông tin chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 655/QĐ-UBND đến hơn 500 doanh nghiệp có đầu tư sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức hội nghị thông tin tuyên truyền, giới thiệu về Quyết định số 655/QĐ-UBND, giải đáp các thắc mắc liên quan đến Quyết định số 655/QĐ-UBND vào ngày 09 tháng 3 năm 2018 với sự tham gia của hơn 200 đại biểu là đại diện các Sở, ngành doanh nghiệp, tổ chức tín dụng,... hiện đang hoạt động trên địa bàn thành phố.

II. TÌNH HÌNH PHÊ DUYỆT CÁC PHƯƠNG ÁN:

1. Tình hình phê duyệt các phương án:

1.1. Tình hình phê duyệt các phương án trong năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 18/12/2020):

Thực hiện Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị giai đoạn 2017-2020 từ ngày 01/01/2020 đến ngày 18/12/2020, các quận - huyện đã phê duyệt 144 quyết định, bao gồm:

- Tổng số lượt vay :179 lượt vay.
- Tổng vốn đầu tư :399.966 triệu đồng.
 - + Đầu tư vốn cố định :116.456 triệu đồng (chiếm 29,12 %).
 - + Đầu tư vốn lưu động :283.510 triệu đồng (chiếm 70,88 %).
- Tổng vốn vay :241.345 triệu đồng.
 - + Vay đầu tư cố định :63.564 triệu đồng (chiếm 26,34 %).
 - + Vay đầu tư lưu động :177.781 triệu đồng (chiếm 73,66%).

Bảng 1. Tình hình thực hiện Chính sách chia theo quận - huyện trong (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 18/12/2020)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Quận - huyện	Số Quyết định	Số lượt vay	Số vốn đầu tư	Số vốn vay	Tỷ lệ vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ vốn vay (%)
1	Cần Giờ	7	20	39.693	21.610	9,92	8,95
2	Củ Chi	84	84	210.606	139.565	52,66	57,83
3	Bình Chánh	12	34	49.483	28.800	12,37	11,93
4	Nhà Bè	17	17	23.446	17.070	5,86	7,07
5	Hóc Môn	2	2	2.708	1.300	0,68	0,54
6	Quận 9	3	3	22.454	9.600	5,61	3,98
7	Thủ Đức	15	15	42.125	16.400	10,53	6,80
8	Quận 12	4	4	9.450	7.000	2,36	2,90
TỔNG CỘNG		144	179	399.966	241.345	100	100

STT	Quận - huyện	Số Quyết định	Số lượt vay	Số vốn đầu tư	Số vốn vay	Tỷ lệ vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ vốn vay (%)
	Hộ XĐGN	1	2	130	60	0,03	0,02
	Doanh nghiệp	4	4	17.361	12.950	4,34	5,37
	Hộ gia đình	139	173	382.475	228.335	95,63	94,61

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt phương án của các quận - huyện)

Bình quân vốn đầu tư 2.234 triệu đồng/hộ/phương án và bình quân vốn vay có hỗ trợ lãi vay 1.348 triệu đồng/hộ/lượt vay vốn.

1.2. Tình hình phê duyệt các phương án theo Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 (Kể từ ngày Quyết định số 655/QĐ-UBND ký ban hành là ngày 12 tháng 02 năm 2018 đến ngày 18/12/2020):

Thực hiện Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 đến ngày 18/12/2020, các quận - huyện đã phê duyệt 904 quyết định, bao gồm:

- Tổng số lượt vay :1.940 lượt vay.
- Tổng vốn đầu tư :2.654.223 triệu đồng.
 - + Đầu tư vốn cố định :804.386 triệu đồng (chiếm 30,31 %).
 - + Đầu tư vốn lưu động :1.849.838 triệu đồng (chiếm 69,69 %).
- Tổng vốn vay :1.562.060 triệu đồng.
 - + Vay đầu tư cố định :259.219 triệu đồng (chiếm 16,59 %).
 - + Vay đầu tư lưu động :1.302.841 triệu đồng (chiếm 83,41 %).

Bảng 2. Tình hình thực hiện Chính sách chia theo quận - huyện trong (từ ngày 12/02/2018 đến ngày 18/12/2020)
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Quận - huyện	Số QĐ phê duyệt	Số lượt vay	Tổng số vốn đầu tư	Tổng số vốn vay	Tỷ lệ (%)	
						Vốn đầu tư	Vốn vay
1	Cần Giờ	59	998	818.411	544.362	30,83	34,85
2	Củ Chi	662	662	1.274.368	716.168	48,01	45,85
3	Bình Chánh	41	137	167.932	105.335	6,33	6,74
4	Nhà Bè	43	43	58.392	40.670	2,20	2,60
5	Hóc Môn	28	28	57.317	32.325	2,16	2,07
6	Quận 9	3	3	22.454	9.600	0,85	0,61
7	Thủ Đức	38	39	162.538	55.300	6,12	3,54
8	Quận 12	29	29	83.932	56.300	3,16	3,60
9	Bình Tân	1	1	8.880	2.000	0,39	0,15
Tổng cộng		904	1.940	2.654.223	1.562.060	100	100
	Hộ XĐGN	9	139	37.690	22.615	1,42	1,45
	Doanh nghiệp	10	10	82.416	49.690	3,11	3,18
	Hộ gia đình	885	1.791	2.534.117	1.489.755	95,47	95,37

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt phương án của các quận - huyện)

Bình quân vốn đầu tư 1.368 triệu đồng/hộ/phương án và bình quân vốn vay có hỗ trợ lãi vay 805 triệu đồng/hộ/lượt vay vốn.

1.3. Tổng hợp lũy tiến thực hiện chính sách từ năm 2011 – đến nay (gồm Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND, Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND, Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 655/QĐ-UBND)

Từ ngày 10/6/2011 - ngày ban hành Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND đến ngày 18/12/2020, các quận, huyện đã phê duyệt 8.501 quyết định, cụ thể:

- Tổng số lượt vay : 24.608 lượt vay.
- Tổng vốn đầu tư : 13.841.332 triệu đồng.
 - + Đầu tư vốn cố định : 4.506.738 triệu đồng (chiếm 32,56%).
 - + Đầu tư vốn lưu động : 9.334.594 triệu đồng (chiếm 67,44%).
- Tổng vốn vay : 8.398.078 triệu đồng.
 - + Vay đầu tư cố định : 984.255 triệu đồng (chiếm 11,72%).
 - + Vay đầu tư lưu động : 7.413.823 triệu đồng (chiếm 88,28%).

Bảng 3: Tình hình thực hiện Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND, Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND, Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 655/QĐ-UBND – chia theo quận huyện (từ ngày 10/6/2011 đến ngày 18/12/2020)

ĐVT: triệu đồng

STT	Quận – huyện	Số QĐ phê duyệt	Số lượt vay	Tổng số vốn đầu tư	Tổng số vốn vay	Tỷ lệ (%)	
						Vốn đầu tư	Vốn vay
1	Cần Giờ	275	12.287	5.816.090	3.698.062	42,02	44,03
2	Củ Chi	5.760	8.250	4.727.321	2.780.862	34,15	33,11
3	Bình Chánh	250	1.038	936.771	511.832	6,77	6,09
4	Nhà Bè	1.289	1.468	696.902	535.619	5,03	6,38
5	UBND TP phê duyệt	12	12	306.264	178.489	2,21	2,13
6	Thủ Đức	134	241	485.202	184.290	3,51	2,19
7	Quận 12	228	262	375.221	223.294	2,71	2,66
8	Quận 9	48	88	190.555	80.280	1,38	0,96
9	Hóc Môn	489	946	267.660	187.790	1,93	2,24
10	Bình Tân	11	11	29.895	11.660	0,22	0,14
11	Quận 8	1	1	6.600	3.300	0,05	0,04
12	Gò Vấp	4	4	2.852	2.600	0,02	0,03
Tổng cộng		8.501	24.608	13.841.332	8.398.078	100	100
Hộ XĐGN		234	3.184	274.006	142.763	1,98	1,70
Doanh nghiệp		29	29	394.844	224.909	2,85	2,68

STT	Quận – huyện	Số QĐ phê duyệt	Số lượt vay	Tổng số vốn đầu tư	Tổng số vốn vay	Tỷ lệ (%)	
						Vốn đầu tư	Vốn vay
	Hộ gia đình	8.238	21.395	13.172.482	8.030.406	95,17	95,62

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt phương án của các quận - huyện)

- Bình quân vốn đầu tư 562 triệu đồng/hộ/phương án và vốn vay có hỗ trợ lãi vay 341 triệu đồng/hộ/lượt vay vốn.

- Bình quân mỗi năm có 2.734 hộ dân và doanh nghiệp có phương án được phê duyệt hỗ trợ lãi vay, với tổng vốn đầu tư bình quân/năm: 1.538 tỷ đồng; tổng vốn vay có hỗ trợ lãi vay/năm: 933 tỷ đồng.

- Quy mô vốn đầu tư, vốn vay/hộ, doanh nghiệp qua các năm tăng dần. Đặc biệt năm 2018-2020, bình quân vốn đầu tư 1.368 triệu đồng/hộ/phương án cao hơn 2,43 lần bình quân giai đoạn 2011- 2019 (562 triệu đồng/hộ/phương án) và bình quân vốn vay có hỗ trợ lãi vay 805 triệu đồng/hộ/lượt vay vốn, cao hơn 2,36 lần so với bình quân giai đoạn 2011 – 2019 (341 triệu đồng/hộ/phương án).

Tổng số lao động (việc làm) tạo ra thông qua các phương án sản xuất được hỗ trợ lãi vay giai đoạn 2011-2019 (từ ngày 10/6/2011 đến 18/12/2020) với khoảng 61.177 lao động, trong đó có 6.317 lao động là đối tượng hộ nghèo.

1.4. Tổng hợp các phương án vay vốn có hỗ trợ lãi vay do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt từ năm 2011 – đến nay (từ ngày 10/6/2011 đến ngày 18/12/2020)

Thực hiện Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị giai đoạn 2011-2020 (Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND, Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND, Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 655/QĐ-UBND), Ủy ban nhân dân thành phố đã phê duyệt 12 quyết định, bao gồm:

- Tổng số lượt vay : 12 lượt vay.
- Tổng vốn đầu tư : 306.263 triệu đồng.
- Tổng vốn vay : 178.489 triệu đồng.

Bình quân vốn đầu tư 25.521 triệu đồng/phương án, trong đó vốn vay có hỗ trợ lãi vay 14.874 triệu đồng/phương án.

Bảng 4: Tình hình thực hiện các phương án vay vốn có hỗ trợ lãi vay Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt (từ ngày 10/6/2011 đến ngày 18/12/2020)

Dvt: triệu đồng

STT	Phương án	Quy mô	Vốn Đầu tư (triệu đồng)	Vốn vay có hỗ trợ lãi vay (triệu đồng)	Thời hạn hỗ trợ lãi vay (năm)	Năm phê duyệt
1	Đầu tư sản xuất cá sấu giống của Công ty Hoàng Ngọc Long	8.084 m ²	16.358	10.000	5	2011
2	Sản xuất bắp giống lai F1 của Công ty cổ phần giống cây trồng Miền Nam năm 2012	480 ha/1.145 hộ dân	22.622	11.500	1	2012
3	Đầu tư sản xuất giống heo của Ông Trầm Quốc Thắng-Hợp tác xã heo Tiên Phong	22 heo nọc và 60 heo cừ kỵ giống GGP	38.465	20.000	5	2012
4	Sản xuất hoa lan của hộ Bà Võ Thị Vân	13.000 m ²	8.598	5.903	5	2012
5	Sản xuất hoa mai của Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ Kim Chi	10.564 m ²	28.136	19.700	5	2013
6	Sản xuất bắp giống lai F1 của Công ty cổ phần giống cây trồng Miền Nam năm 2013	530 ha/1.370 hộ dân	29.420	14.796	1	2013
7	Sản xuất bắp giống lai F1 của Công ty cổ phần giống cây trồng Miền Nam năm 2014	610 ha/988 hộ dân	36.307	17.978	1	2014
8	Sản xuất bắp giống lai F1 của Công ty cổ phần giống cây trồng Miền Nam năm 2015	620 ha/1.164 hộ dân	36.605	19.512	1	2015
9	Đầu tư sản xuất hoa lan của hộ Trịnh Thị Hồng Vân	22.000 m ²	13.929	9.600	5	2015
10	Phương án sản xuất hoa lan của hộ Lê Dũng	4,25 ha	27.581	17.500	5	2015
11	Phương án xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ sữa bò tươi của Hợp tác xã TM-DV-SX-CN Bò sữa Tân Thông Hội	3.050 m ²	37.000	25.000	5	2016

STT	Phương án	Quy mô	Vốn Đầu tư (triệu đồng)	Vốn vay có hỗ trợ lãi vay (triệu đồng)	Thời hạn hỗ trợ lãi vay (năm)	Năm phê duyệt
12	Phương án xây dựng trại chăn nuôi bò thịt kết hợp vườn, ao, chuồng tại ấp Mỹ Khánh A, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi	18.560m ² /100 con bò giống Droughtmaster	11.242	7.000	5	2016
Tổng			306.263	178.489		

1.5. Tình hình phê duyệt các phương án phân theo ngành nghề:

a. Tình hình phê duyệt các phương án theo Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 phân theo ngành nghề (từ 01/01/2020 đến 18/12/2020):

Bảng 5. Tình hình phê duyệt các phương án phân theo đối tượng cây trồng vật nuôi (trong đó có các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Thành phố)

Đvt: triệu đồng

STT	Đối tượng nuôi trồng	Số lượt vay	Tổng vốn đầu tư	Tổng vốn vay được hỗ trợ lãi vay	Tỷ lệ (%)	
					Vốn đầu tư	Vốn vay
I	Các sản phẩm nông nghiệp chủ lực	134	316.435	189.460	79,12	78,50
1	Tôm	34	61.909	37.750	15,48	15,64
2	Heo	5	19.829	13.900	4,96	5,76
3	Hoa lan-Cây kiềng	69	192.704	115.650	48,18	47,92
4	Bò sữa	20	23.331	10.180	5,83	4,22
5	Rau an toàn	4	2.255	1.580	0,56	0,65
6	Cá cảnh	2	16.408	10.400	4,10	4,31
II	Các sản phẩm khác	45	83.531	51.885	20,88	21,50
1	Cá	6	8.088	5.100	2,02	2,11
2	Bò thịt	29	17.050	10.085	4,26	4,18
3	Nấm	1	8.416	1.500	2,10	0,62
4	Khác (Mít, Dừa,...)	9	49.977	35.200	12,50	14,58
Tổng		179	399.966	241.345	100	100

Các quận – huyện đã phê duyệt phương án thuộc nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Thành phố (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 18/12/2020), gồm: tôm, heo, hoa lan cây kiềng, bò sữa, rau an toàn, cá cảnh với tổng 130 lượt vay (chiếm tỷ lệ 74,86%), tổng vốn đầu tư 316.435 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 79,12%), tổng vốn vay 189.460 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 78,50%). Bình quân vốn đầu

ương án là 2.361 triệu đồng, Bình quân vốn vay/phương án là 1.414 triệu

Kể từ ngày 01/01/2019 (tính từ khi triển khai thực hiện Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2018) đến ngày 18/12/2020, Ủy ban nhân dân quận – huyện, Ủy ban nhân dân Thành phố đã phê duyệt phương án vay vốn có hỗ trợ lãi vay đối với nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Thành phố, gồm: tôm, heo, hoa lan cây kiểng, bò sữa, rau an toàn, cá cảnh với tổng 598 lượt vay (chiếm tỷ lệ 77,16%), tổng vốn đầu tư 890.557 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 68,23%), tổng vốn vay 512.775 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 71,14%). Bình quân vốn đầu tư/phương án là 1.489 triệu đồng, Bình quân vốn vay/phương án là 857 triệu đồng.

b. Tình hình phê duyệt các phương án theo Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 phân theo ngành nghề (kể từ ngày Quyết định số 655/QĐ-UBND được ký ban hành 12/02/2018 đến 18/12/2020):

Bảng 6. Tình hình thực hiện Chính sách chia theo ngành nghề cây - con (từ ngày 12/02/2018 đến 18/12/2020)

DVT: Triệu đồng

STT	Đối tượng nuôi trồng	Số lượt vay	Tổng vốn đầu tư	Tổng vốn vay	Tỷ lệ (%)	
					Vốn đầu tư	Vốn vay
1	Tôm	1.017	856.658	573.792	35,26	40,59
2	Lan-Cây kiểng	283	694.040	410.730	22,24	22,34
3	Khác	50	342.849	159.090	12,99	9,38
4	Cá	51	210.190	123.415	8,24	8,17
5	Heo	84	204.265	99.880	8,18	6,51
6	Bò sữa	187	202.925	110.808	7,97	7,62
7	Bò thịt	243	104.538	64.730	3,88	4,14
8	Nấm	3	21.586	8.000	0,58	0,49
9	Rau an toàn	11	10.743	7.945	0,38	0,48
10	VAC	1	1.465	750	0,06	0,06
11	Muối	7	1.406	620	0,06	0,05
12	Hàu	1	1.388	800	0,06	0,06
13	Cá sấu	1	1.143	800	0,05	0,06
14	Ếch	1	1.028	700	0,05	0,05
Tổng		1.940	2.654.223	1.562.060	100	100

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt phương án của các quận - huyện)

c. Tổng hợp lũy tiến tình hình thực hiện chính sách – chia theo ngành nghề từ năm 2011 – đến nay (từ ngày 10/6/2011 đến ngày 18/12/2020):

Bảng 7. Tình hình thực hiện Quyết định 36/2011/QĐ-UBND, Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND, Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND và Quyết định số

655/QĐ-UBND - chia theo ngành nghề từ năm 2011- đến nay (từ ngày 10/6/2011 đến ngày 18/12/2020)

DVT: Triệu đồng

STT	Đối tượng nuôi trồng	Số lượt vay	Tổng vốn đầu tư	Tổng vốn vay	Tỷ lệ (%)	
					Vốn đầu tư	Vốn vay
1	Nuôi tôm	11.818	5.680.631	3.732.030	41,04	44,44
2	Trồng lan. cây kiểng	1.899	2.422.070	1.421.750	17,50	16,93
3	Nuôi bò (sữa. thịt)	5.808	1.814.421	1.056.328	13,11	12,58
4	Nuôi heo	2.428	1.367.922	791.785	9,88	9,43
5	Nuôi nghêu	479	460.536	271.002	3,33	3,23
6	Nuôi cá	509	735.416	410.523	5,31	4,89
7	Khác (*)	274	707.651	356.648	5,11	4,25
8	Hạt bắp giống bắp lai F1	4	124.954	63.786	0,90	0,76
9	Muối	925	101.686	58.617	0,73	0,70
10	Nuôi hàu	197	123.064	65.478	0,89	0,78
11	Mô hình VAC	88	82.792	48.290	0,60	0,58
12	Nấm	54	104.011	52.414	0,75	0,62
13	Cá sấu	13	42.450	25.530	0,31	0,30
14	Nhím	11	13.679	4.285	0,10	0,05
15	Sò	18	8.521	5.390	0,06	0,06
16	Rau an toàn	42	24.801	15.720	0,18	0,19
17	Dê	9	2.044	1.153	0,01	0,01
18	Ếch	9	24.278	16.980	0,18	0,20
19	Trồng trọt tổng hợp	24	405	370	0,003	0,0045
Tổng		24.609	13.841.332	8.398.078	100	100

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt phương án của các quận - huyện)

d. Các đối tượng cây - con chủ yếu có phương án được phê duyệt hỗ trợ lãi vay tại các quận - huyện

Bảng 7: Các đối tượng cây - con chủ yếu có phương án được phê duyệt hỗ trợ lãi vay tại các quận - huyện

STT	Quận - huyện	Các cây con chủ lực
1	Củ Chi	Bò sữa, bò thịt, heo, hoa lan - cây kiểng, cá cảnh, bắp giống, cá sấu
2	Cần Giờ	Nuôi tôm, nghêu
3	Thủ Đức	Hoa lan - cây kiểng
5	Bình Chánh	Mô hình VAC, hoa lan - cây kiểng
6	Nhà Bè	Nuôi tôm, cá, heo
7	Quận 12	Hoa lan - cây kiểng
8	Hóc Môn	Heo, bò sữa
9	Gò Vấp	Hoa lan - cây kiểng

STT	Quận - huyện	Các cây con chủ lực
10	Bình Tân	Hoa lan – cây kiểng
11	Quận 8	Hoa lan – cây kiểng
12	Quận 9	Hoa lan – cây kiểng

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt phương án của các quận - huyện)

Qua tổng hợp báo cáo của các quận, huyện, đối tượng cây trồng vật nuôi tập trung chủ yếu là hoa lan, hoa mai, kiểng lá, bonsai, cá cảnh, nuôi tôm, bò sữa.... Đây là những cây con trọng điểm được Thành phố ưu tiên phát triển.

2. Tổng kinh phí đã giải ngân hỗ trợ lãi vay từ ngân sách đối với các phương án được duyệt:

Từ năm 2011 - đến nay (ngày 18/12/2020), ngân sách Thành phố đã cấp bù kinh phí hỗ trợ cho các chủ đầu tư là: 673.525 triệu đồng.

Bảng 8: Chi tiết kinh phí đã giải ngân hỗ trợ lãi vay từ ngân sách đối với các phương án được duyệt từ năm 2011 - đến nay (từ ngày 10/6/2011 đến ngày 18/12/2020)

DVT: Triệu đồng

Stt	Quận - huyện	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	Tổng cộng
1	Cần Giờ	9.366	13.774	28.750	28.300	34.000	3.860	8.000	30.000	23.000	179.050
2	Củ Chi	20.403	11.000	8.500	45.000	25.000	19.900	42.267	39.000	50.000	261.070
3	Nhà bè	1.915	5.500	4.000	4.300	3.000	1.200	2.000	6.000	1.520	29.435
4	Hóc Môn	3.884	2.350	1.500	2.500	4.000	830	2.700	1.000	5.000	23.764
5	Bình Chánh	4.016	8.500	2.000	4.000	11.000	7.000	8.000	17.000	14.500	76.016
6	Quận 9	1.061	4.500	274	0	200	1.300	1.000	1.800	1.000	11.135
7	Quận Thủ Đức	1.300	4.000	1.000	3.500	3.000	2.700	2.500	4.200	3.500	25.700
8	Quận 12	828	960	2.000	4.500	3.000	2.500	4.000	6.100	7.400	31.288
9	Quận Bình Tân	529	1.500	884	0	0	0	400	0	0	3.313
10	Quận Gò Vấp	0	0	0	400	400	0	0	0	0	800
11	Quận 8	0	0	0	0	0	280	200	0	140	620
12	Thành phố	0	1.500	3.111	2.300	4.900	5.430	4.733	5.500	3.860	31.334
Tổng		43.302	53.584	52.019	94.800	88.500	45.000	75.800	110.600	109.920	673.525

Từ số liệu tổng vốn đầu tư, vốn vay và kinh phí hỗ trợ lãi vay theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND, Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND, Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 655/QĐ-UBND, cho thấy với 1 đồng vốn ngân sách hỗ trợ lãi vay (673.525 triệu đồng), sẽ huy động được 20 đồng vốn xã

hội (13.841.332 triệu đồng), trong đó huy động từ tổ chức tín dụng là 12 đồng (8.398.078 triệu đồng), huy động trong dân là 8 đồng (5.443.254 triệu đồng).

III. ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT

1. Mặt đạt được

a. Công tác chỉ đạo, điều hành:

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố công tác triển khai thực hiện Chính sách hỗ trợ cho nông dân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố đạt hiệu quả cao.

- Các sở ngành thành phố, hội đồng thẩm định thành phố đã chủ động, tích cực tham mưu và giải quyết những vướng mắc phát sinh từ thực tế.

- Ủy ban nhân dân các quận - huyện tích cực, chủ động tham gia thực hiện Chính sách, hỗ trợ người dân vay vốn phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập theo định hướng phát triển nông nghiệp đô thị, góp phần xây dựng nông thôn mới. Việc thẩm định các phương án vay vốn theo Chính sách được thực hiện theo đúng quy trình; đảm bảo thời gian, góp phần đảm bảo nguồn vốn kịp thời để chủ đầu tư phát triển sản xuất theo thời vụ.

- Các tổ chức tín dụng trên địa bàn thành phố chủ động tham gia thực hiện chính sách, hỗ trợ người dân xây dựng phương án, thủ tục vay vốn nhanh gọn hơn; thu phần lãi suất chênh lệch còn lại để hỗ trợ người dân yên tâm sản xuất.

b. Tác động về kinh tế, xã hội:

- Người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện Chính sách xác định ngân sách thành phố hỗ trợ một phần lãi vay, từ đó chủ động phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, trả nợ gốc và lãi đúng hạn. Qua đánh giá và kiểm tra tình hình thực hiện cho vay tại các ngân hàng, tỷ lệ nợ xấu cho vay thực hiện chính sách thấp hơn so với cho vay các hộ sản xuất không tham gia chính sách và các ngành khác (một số quận, huyện không phát sinh nợ xấu). Qua đó cho thấy chính sách đã góp phần tăng trưởng tín dụng tại các quận, huyện ngoại thành, phát huy hiệu quả nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội.

- Từ tác động của chính sách cộng với tinh thần lao động cần cù, sáng tạo của hộ nông dân đã góp phần thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tạo ra nhiều việc làm, thu nhập, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của mỗi vùng, mỗi quận huyện.

- Chính sách hỗ trợ lãi vay đã khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, xây dựng nông thôn mới, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tìm tòi, nghiên cứu và đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp mà mục đích cuối cùng là tạo thu nhập ổn định cho nông dân, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, góp phần tạo nguồn nông sản hàng hóa an toàn, chất lượng phục vụ đời sống dân sinh hằng ngày của thành phố.

- Việc xây dựng và triển khai chính sách vay vốn có hỗ trợ vay theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 10/6/2011, Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20/3/2013, Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 23/02/2016, Nghị quyết 10/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 và Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 đã góp phần khuyến khích các tổ chức, hộ

dân, cá nhân đầu tư mở rộng sản xuất, hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị thành phố; góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp. Cụ thể:

+ Thành phố xuất hiện nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp đô thị có hiệu quả kinh tế cao, như: rau (doanh thu bình quân đạt 800 triệu – 1 tỷ đồng/ha/năm), hoa lan (doanh thu bình quân đạt 2 tỷ đồng/ha/năm), bò sữa (quy mô 20 con: doanh thu bình quân đạt 800 triệu đồng/năm), cá cảnh (doanh thu bình quân đạt 10 – 15 tỷ đồng/ha/năm, nuôi lươn trong hồ (diện tích 6m²/hồ, doanh thu đạt 63,3 tỷ đồng/0,5ha/năm);...

+ Diện tích đất nông nghiệp giảm nhưng giá trị sản xuất, tốc độ tăng trưởng nông nghiệp vẫn tăng cao: năm 2018, diện tích sản xuất nông nghiệp giảm 20.005 ha so với năm 2008 nhưng giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp đạt 21.402 tỷ đồng, tăng 294% so năm 2008, tốc độ tăng trưởng (GRDP) nông nghiệp đạt 9.610 tỷ đồng, tăng 233,7% so năm 2008, 06 tháng đầu năm 2019 ước đạt 4.304 tỷ đồng, tăng 6,01% so với cùng kỳ 2018. Giá trị sản xuất nông nghiệp trên 1 ha đất canh tác tăng đều qua các năm, từ 158,5 triệu đồng/ha năm 2010, lên 375 triệu đồng/ha năm 2015, lên 450 triệu đồng/ha năm 2017 và đến cuối năm 2018 đạt 502 triệu đồng/ha/năm (cao nhất cả nước, gấp hơn 05 lần bình quân cả nước – theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Hội nghị Tổng kết 10 năm Chương trình Xây dựng nông thôn mới vùng Đông Nam Bộ - Đồng bằng Sông Cửu Long, tổ chức vào ngày 13/9/2019).

2. Mặt hạn chế

- Hiện nay, nhu cầu xây dựng các công trình để phục vụ nuôi, trồng, sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thành phố là rất lớn. Tuy nhiên, căn cứ theo Luật đất đai năm 2013 và Luật xây dựng năm 2014 và các nghị định, thông tư hướng dẫn về đất đai, xây dựng, các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp chỉ được phép xây dựng trên loại “*đất nông nghiệp khác*”, được xác định trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất và phải sử dụng theo đúng mục đích sử dụng đất do nhà nước quyết định. Như vậy, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư xây dựng công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp trên đất không phải là “*đất nông nghiệp khác*” sẽ không được xây dựng. Vì vậy, có nhiều hộ dân, doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn đầu tư sản xuất nhưng không được phê duyệt dự án đầu tư. Ví dụ, thời gian qua có một số dự án đầu tư lớn phù hợp với mục tiêu, định hướng sản xuất nông nghiệp, tạo ra giá trị sản phẩm cao đề nghị vay vốn phải trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt (Dự án vay vốn hỗ trợ lãi vay xây dựng Trang trại nông nghiệp phức hợp hữu cơ Nhà Bè của Công ty TNHH Nông nghiệp Nhất Thống; Dự án Nhà máy giết mổ gia súc An Hạ của Công ty TNHH Dịch vụ An Hạ; Dự án đầu tư nhà máy sản xuất thức ăn cho bò công nghệ cao của Công ty Cổ phần tư Vấn Thiết kế xây dựng Nhật Nam) nhưng khi thẩm định đều không thực hiện được do đầu tư trên đất nông nghiệp không phải là đất nông nghiệp khác.

- Do tốc độ đô thị hóa cao, nhiều hộ dân đã chuyển đổi sản xuất sang các ngành nghề khác (thương mại, dịch vụ,...) nên không có nhu cầu vay vốn sản xuất nông nghiệp.

- Trên địa bàn thành phố bệnh dịch tả heo châu phi tại 12 quận – huyện (quận 2, 12, 9, Thủ Đức, Bình Tân, Bình Thạnh, Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè, Tân Bình và Cần Giờ). Mặc dù đã được Nhà nước hỗ trợ, giảm bớt phần nào khó khăn cho người nuôi heo mắc Dịch tả heo Châu phi nhưng thiệt hại rất lớn. Vì vậy, việc hoàn trả vốn vay theo quy định của tổ chức tín dụng rất khó khăn.

- Lao động nông nghiệp chủ yếu là người lớn tuổi, quen với phương pháp sản xuất truyền thống nên chưa mạnh dạn vay vốn sản xuất chuyển đổi sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, hiện đại tạo thu nhập cao hơn.

- Một số người dân, doanh nghiệp và hợp tác xã có nhu cầu vay vốn có hỗ trợ lãi vay theo chính sách nhưng chưa tiếp cận được nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng do không đảm bảo các điều kiện vay vốn của tổ chức cho vay như không có tài sản thế chấp, định giá tài sản rất thấp so với giá trị thực tế nên chủ đầu tư không thể vay vốn để thực hiện phương án đầu tư. Ngoài ra, các chủ đầu tư có lịch sử nợ xấu với tổ chức tín dụng đã hoàn trả lãi và gốc đầy đủ, khi có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất thì gặp khó khăn, thường bị từ chối cho vay.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố lũy tiến từ ngày 10/6/2011 đến ngày 18/12/2020./.

Nơi nhận:

- Đ/c Lê Thanh Liêm – PCT TT UBND TP (để B/C);
- Văn phòng UBND TP;
- BGĐ: Anh Hiệp, A. Hoàng;
- P.KHTC Sở;
- Lưu: VT, PTNT.MN-5b.

CHI CỤC TRƯỞNG



Hoàng Thị Mai



Phụ lục

Bảng 1: Tổng hợp tình hình thực hiện Quyết định 36/2011/QĐ-UBND
– chia theo quận huyện
năm 2011

Đvt: triệu đồng

STT	Quận – huyện	Số QĐ phê duyệt	Số hộ (DN)	Tổng số vốn đầu tư	Tổng số vốn vay	Tỷ lệ (%)	
						Vốn đầu tư	Vốn vay
1	Cần Giờ	14	1.012	421.817	273.941	52,29	54,31
2	Nhà Bè	169	226	54.897	40.078	6,81	7,95
3	Củ Chi	41	93	134.729	86.433	16,70	17,14
4	Hóc Môn	112	258	39.166	38.708	4,86	7,67
5	Quận 9	14	19	66.231	12.315	8,21	2,44
6	Bình Chánh	7	34	37.940	23.329	4,70	4,63
7	Thủ Đức	12	70	51.890	29.580	6,43	5,86
Tổng cộng		369	1.712	806.670	504.384	100	100
Trong đó:XDGN		45	260	39.072	25.906	4,84	5,14

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt đề án của các quận - huyện)

Bảng 2: Tổng hợp tình hình thực hiện Quyết định 36/2011/QĐ-UBND
– chia theo quận huyện
năm 2012

Đvt: triệu đồng

STT	Quận - huyện	Số QĐ phê duyệt	Số hộ (DN)	Tổng số vốn đầu tư	Tổng số vốn vay	Tỷ lệ (%)	
						Vốn đầu tư	Vốn vay
1	Cần Giờ	27	1.634	875.654	436.062	44,04	39,88
2	Củ Chi	587	2.625	682.682	430.907	34,34	39,41
3	Nhà Bè	186	235	91.219	64.592	4,59	5,91
4	Thành phố	4	4	85.558	47.500	4,30	4,34
5	Bình Chánh	16	129	78.405	36.303	3,94	3,32
6	Hóc Môn	77	224	72.354	30.527	3,64	2,79
7	Quận 12	46	46	55.728	24.530	2,80	2,24
8	Thủ Đức	12	19	22.950	8.100	1,15	0,74
9	Bình Tân	5	5	12.262	6.950	0,62	0,64
10	Quận 9	7	15	11.349	8.005	0,57	0,73
Tổng cộng		967	4.936	1.988.161	1.093.476	100	100
Trong đó:XDGN		97	726	19.130	9.532	0,96	0,87

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt đề án của các quận - huyện)

Bảng 3: Tổng hợp tình hình thực hiện Quyết định số 36 và Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND – chia theo quận huyện năm 2013

Dvt: triệu đồng

STT	Quận - huyện	Số QĐ phê duyệt	Số hộ, doanh nghiệp	Tổng số vốn đầu tư	Tổng số vốn vay	Tỷ lệ (%)	
						Vốn đầu tư	Vốn vay
1	Cần Giờ	27	1.810	718.164	431.102	44,44	44,46
2	Củ Chi	1.081	1.395	503.604	299.613	31,17	30,90
3	Nhà Bè	185	209	85.047	67.942	5,26	7,01
4	Bình Chánh	37	109	80.325	42.255	4,97	4,36
5	Thủ Đức	21	63	70.875	39.450	4,39	4,07
6	Thành phố phê duyệt	2	2	57.556	34.496	3,56	3,56
7	Hóc Môn	111	128	47.075	24.585	2,91	2,54
8	Quận 12	32	32	46.355	24.650	2,87	2,54
9	Quận 9	3	9	6.914	5.520	0,43	0,57
Tổng cộng		1.499	3.757	1.615.914	969.613	100	100
Trong đó: XDGN		38	606	19.222	9.059	1,19	0,93

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt đề án của các quận - huyện)

Bảng 4: Số liệu thực hiện Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND – chia theo quận huyện

năm 2014

DVT: Triệu đồng

STT	Quận - huyện	Số Quyết định	Số lượt vay	Số vốn đầu tư	Số vốn vay	Tỷ lệ vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ vốn vay (%)
1	Cần Giờ	42	2.161	828.781	517.885	49,91	50,83
2	Củ Chi	866	883	417.613	235.972	25,15	23,16
3	Bình Chánh	46	177	126.520	66.042	7,62	6,48
4	Nhà Bè	240	260	117.522	94.198	7,08	9,25
5	Quận 12	32	32	39.291	27.300	2,37	2,68
6	Thành phố phê duyệt	1	1	36.307	17.978	2,19	1,76
7	Thủ Đức	14	24	36.094	17.100	2,17	1,68

STT	Quận - huyện	Số Quyết định	Số lượt vay	Số vốn đầu tư	Số vốn vay	Tỷ lệ vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ vốn vay (%)
8	Quận 9	7	21	31.877	22.000	1,92	2,16
9	Hóc Môn	73	82	15.040	15.040	0,91	1,48
10	Bình Tân	5	5	8.753	2.710	0,53	0,27
11	Gò Vấp	4	4	2.852	2.600	0,17	0,26
TỔNG CỘNG		1.330	3.650	1.660.650	1.018.824	100	100
HỘ XĐGN		16	695	37.965	13.298	2,29	1,31

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt đề án của các quận - huyện)

Bảng 5: Tổng hợp tình hình thực hiện Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND
– chia theo quận huyện
năm 2015

ĐVT: Triệu đồng

STT	Quận - huyện	Số Quyết định	Số lượt vay	Số vốn đầu tư	Số vốn vay	Tỷ lệ vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ vốn vay (%)
1	Cần Giờ	31	1.596	726.812	476.775	45,78	49,10
2	Củ Chi	796	821	429.504	239.757	27,05	24,69
3	Bình Chánh	31	166	167.380	80.537	10,54	8,29
4	Nhà Bè	203	207	126.977	101.022	8,00	10,40
5	Thành phố phê duyệt	3	3	78.116	46.612	4,92	4,80
6	Quận 9	5	10	30.034	10.300	1,89	1,06
7	Thủ Đức	14	15	17.380	9.860	1,09	1,02
8	Quận 8	1	1	6.600	3.300	0,42	0,34
9	Hóc Môn	19	23	4.863	2.790	0,31	0,29
TỔNG CỘNG		1.103	2.842	1.587.666	970.953	100	100
HỘ XĐGN		6	286	17.053	5.826	2,29	1,07

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt đề án của các quận - huyện)

Bảng 6: Tổng hợp tình hình thực hiện Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND
– chia theo quận huyện
năm 2016

ĐVT: Triệu đồng

STT	Quận - huyện	Số Quyết định	Số lượt vay	Số vốn đầu tư	Số vốn vay	Tỷ lệ vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ vốn vay (%)
1	Cần Giờ	31	1.380	767.639	511.224	46,76	48,63
2	Củ Chi	688	692	536.498	321.405	32,68	30,58
3	Bình Chánh	27	127	115.113	66.760	7,01	6,35
4	Nhà Bè	154	189	89.385	70.769	5,44	6,73
5	Thành phố phê duyệt	2	2	48.242	32.000	4,92	4,80
6	Quận 9	4	4	5.171	2.700	0,31	0,26
7	Thủ Đức	11	13	23.329	10.700	1,42	1,02
8	Hóc Môn	23	23	32.719	21.385	1,99	2,03
9	Quận 12	14	48	23.586	14.214	1,44	1,35
TỔNG CỘNG		954	2.478	1.641.682	1.051.157	100	100
Hộ XĐGN		15	248	53.061	28.437	3,23	2,71

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt đề án của các quận - huyện)

Bảng 7: Tổng hợp tình hình thực hiện Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND
– chia theo quận huyện
năm 2017

ĐVT: Triệu đồng

STT	Quận - huyện	Số Quyết định	Số lượt vay	Số vốn đầu tư	Số vốn vay	Tỷ lệ vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ vốn vay (%)
1	Cần Giờ	33	859	508.518	334.807	36,23	40,05
2	Củ Chi	564	564	505.773	300.832	36,03	35,99
3	Bình Chánh	25	103	119.592	74.020	8,52	8,85
4	Nhà Bè	48	48	30.236	23.085	2,15	2,76
5	Hóc Môn	39	39	50.197	31.595	3,58	3,78
6	Quận 9	5	5	12.659	7.140	0,90	0,85
7	Thủ Đức	6	7	87.337	9.400	6,22	1,12
8	Quận 12	49	49	89.374	55.100	6,37	6,59
TỔNG CỘNG		769	1.674	1.403.686	835.979	100	100
Hộ XĐGN		8	194	47.379	26.177	3,38	3,13

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt đề án của các quận - huyện)

Bảng 8. Tình hình thực hiện Quyết định số 655/QĐ-UBND
- chia theo quận - huyện
Năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Quận - huyện	Số Quyết định	Số lượt vay	Số vốn đầu tư	Số vốn vay	Tỷ lệ vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ vốn vay (%)
1	Cần Giờ	32	684	547.568	374.892	40,69	44,67
2	Củ Chi	371	371	556.488	331.293	41,35	39,47
3	Bình Chánh	18	61	72.962	46.785	5,42	5,57
4	Nhà Bè	12	12	20.386	13.300	1,51	1,58
5	Hóc Môn	6	6	35.938	19.400	2,67	2,31
6	Thủ Đức	8	9	44.500	11.800	3,31	1,41
7	Quận 12	20	20	59.002	39.800	4,38	4,74
8	Bình Tân	1	1	8.880	2.000	0,66	0,24
TỔNG CỘNG		468	1.164	1.345.724	839.270	100	100
Hộ XĐGN		5	99	26.108	15.800	1,94	1,88
Doanh nghiệp		3	3	48.091	24.800	3,57	2,95
Hộ gia đình		460	1.062	1.271.524	798.670	94,49	95,16

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt phương án của các quận - huyện)

Bảng 9. Tình hình thực hiện Quyết định số 655/QĐ-UBND
- chia theo quận - huyện
Năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Quận - huyện	Số Quyết định	Số lượt vay	Số vốn đầu tư	Số vốn vay	Tỷ lệ vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ vốn vay (%)
1	Cần Giờ	20	294	231.149	147.860	25,53	30,84
2	Củ Chi	206	206	504.019	243.310	55,68	50,75
3	Bình Chánh	11	42	45.487	29.750	5,02	6,21
4	Nhà Bè	14	14	14.560	10.300	1,61	2,15
5	Hóc Môn	20	20	18.671	11.625	2,06	2,42
6	Thủ Đức	15	15	75.914	27.100	8,39	5,65
7	Quận 12	5	5	15.480	9.500	1,71	1,98
TỔNG CỘNG		291	596	905.279	479.445	100	100
Hộ XĐGN		3	38	11.452	6.755	1,27	1,41
Doanh nghiệp		3	3	16.964	11.940	1,87	2,49
Hộ gia đình		285	555	876.863	460.750	96,86	96,10

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt phương án của các quận - huyện)

Bảng 9. Tình hình thực hiện Quyết định số 655/QĐ-UBND - chia theo quận - huyện năm 2020 (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 18/12/2020)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Quận - huyện	Số Quyết định	Số lượt vay	Số vốn đầu tư	Số vốn vay	Tỷ lệ vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ vốn vay (%)
1	Cần Giờ	7	20	39.693	21.610	9,92	8,95
2	Củ Chi	84	84	210.606	139.565	52,66	57,83
3	Bình Chánh	12	34	49.483	28.800	12,37	11,93
4	Nhà Bè	17	17	23.446	17.070	5,86	7,07
5	Hóc Môn	2	2	2.708	1.300	0,68	0,54
6	Quận 9	3	3	22.454	9.600	5,61	3,98
7	Thủ Đức	15	15	42.125	16.400	10,53	6,80
8	Quận 12	4	4	9.450	7.000	2,36	2,90
TỔNG CỘNG		144	179	399.966	241.345	100	100
Hộ XĐGN		1	2	130	60	0,03	0,02
Doanh nghiệp		4	4	17.361	12.950	4,34	5,37
Hộ gia đình		139	173	382.475	228.335	95,63	94,61

(Nguồn: Tổng hợp quyết định phê duyệt phương án của các quận - huyện)

CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TP. HCM